

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 169/2019/DS-PT  
Ngày 17 - 10 - 2019  
V/v: “Tranh chấp hợp  
đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Tùng

*Các Thẩm phán:* Ông Văn Công Dân và ông Hoàng Kim Khánh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trịnh Thị Vinh - Thư ký TAND tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và ngày 17/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đưa ra xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 160/2019/TLPT-DS ngày 20 tháng 8 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2019/DS - ST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 197/2019/QĐ-PT ngày 09/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 150/2019/QĐPT ngày 27/9/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Phương T; địa chỉ: Thôn Tân Lập X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Hoàng Văn L; địa chỉ: Thôn 8A, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (văn bản ủy quyền ngày 22/01/2019). Có mặt

2. *Bị đơn:* Bà Hoàng Thị B, ông Hoàng Văn N, anh Hoàng Văn Đình V, chị Hoàng Thị Thúy Tr1, chị Hoàng Thị Thúy Tr2; cùng địa chỉ: Thôn 8, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Bà B có mặt.

*Người đại diện theo ủy quyền của ông Hoàng Văn N, anh Hoàng Văn Đình V, chị Hoàng Thị Thúy Tr1, chị Hoàng Thị Thúy Tr2:* Ông Dương Lê U.A; địa chỉ: 1XA Chung Cư V, đường N, quận C, thành phố Hà Nội (văn bản ủy quyền ngày 02/10/2019). Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà Hoàng Thị B:* Ông Dương Lê U.A; địa chỉ: 1XA Chung Cư V, đường N, quận C, thành phố Hà Nội. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Hoàng Thị B, ông Hoàng Văn N, anh Hoàng Văn Đình V, chị Hoàng Thị Thúy Tr1, chị Hoàng Thị Thúy Tr2.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo đơn khởi kiện, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hoàng Văn L trình bày:

Do quen biết với nhau nên vào ngày 25/7/2016, bà Huỳnh Thị Phương T có cho gia đình ông Hoàng Văn N, bà Hoàng Thị B cùng các con Hoàng Văn Đình V, Hoàng Thị Thúy Tr1, Hoàng Thị Thúy Tr2 vay số tiền 2.400.000.000 đồng (hai tỷ bốn trăm triệu đồng) để bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất hai bên tự thỏa thuận theo quy định của pháp luật, thời hạn vay thỏa thuận là một năm. Khi vay hai bên có làm thủ tục thế chấp quyền sử dụng đất tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Krông Búk, tài sản thế chấp gồm các lô đất sau:

Lô đất 1: Giấy CNQSDĐ số P 01630, thửa đất số 170, tờ bản đồ số 04; diện tích đất 1.140m<sup>2</sup>, do UBND huyện Krông Búk cấp ngày 22/5/2000 đứng tên hộ gia đình ông Hoàng Văn N. Địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Lô đất 2: Giấy CNQSDĐ số CĐ 379272, thửa đất số 169, tờ bản đồ số 04, diện tích 4.240m<sup>2</sup>, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 13/7/2016, địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện K.

Lô đất 3: Giấy CNQSDĐ số CĐ 379273, thửa đất số 169, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.620m<sup>2</sup>, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 13/7/2016, địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện K.

Lô đất 4: Giấy CNQSDĐ số CĐ 379274, thửa đất số 182, tờ bản đồ số 04, diện tích 1.500m<sup>2</sup>, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 13/7/2016, địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện K.

Lô đất 5: Giấy CNQSDĐ số BA 466372, thửa đất số 165, tờ bản đồ số 31, diện tích 285m<sup>2</sup>, do UBND huyện K cấp ngày 13/7/2010, địa chỉ thửa đất tại xã P, huyện K.

Vào tháng 10/2016, gia đình bà Hoàng Thị B, ông Hoàng Văn N nói mượn lại giấy CNQSDĐ để gia hạn và điều chỉnh lại do có một số giấy CNQSDĐ hết hạn quyền sử dụng đất và đăng ký thêm nhà mới xây trên đất nên bà T đồng ý xóa thế chấp và cho gia đình bà B mượn lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp. Sau đó một thời gian vào khoảng tháng 7/2017, thì bà T biết được toàn bộ lô đất rẫy, nhà ở gia đình bà B mượn lại sau khi thế chấp đã sang tên quyền sử dụng đất cho con trai bà B, ông N là anh Hoàng Văn Đình V.

Đến ngày 21/5/2018, thì gia đình bà B, ông N có trả cho bà T số tiền 262.000.000 đồng, còn nợ lại 2.138.000.000 đồng (hai tỷ một trăm ba mươi tám triệu đồng), hẹn đến tháng 8/2018 sẽ trả hết nợ. Đến hẹn trả nợ, bà T đã nhiều lần đến nhà yêu cầu trả nợ thì gia đình bà B, ông N khát nợ nhiều lần và hẹn đến tháng 8/2018 sẽ thanh toán cho bà T toàn bộ số tiền gốc và lãi mà gia đình ông, bà đã vay. Đến tháng 01/2019 thì bà T hoàn toàn không liên lạc được với gia đình bà B nữa, bà T xuống nhà thì gia đình bà B thách thức nói không trả lại số tiền này.

Nhận thấy ông Hoàng Văn N, bà Hoàng Thị B, anh Hoàng Văn Đình V, chị Hoàng Thị Thúy Tr2, chị Hoàng Thị Thúy Tr1 không trả nợ cho bà T theo thời hạn thỏa thuận đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T. Vì vậy, bà T làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Krông Búk yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình bà B, ông N và các con phải trả lại cho bà T tổng số tiền 2.433.044.000 đồng (trong đó tiền gốc là 2.138.000.000 đồng; tiền lãi phát sinh tính từ ngày 21/5/2018 đến ngày 15/7/2019 với mức lãi suất 1%/tháng là 295.044.000 đồng).

*[2] Bị đơn ông Hoàng Văn N, bà Hoàng Thị B, anh Hoàng Văn Đình V, chị Hoàng Thị Thúy Tr1, chị Hoàng Thị Thúy Tr2 - Người đại diện theo ủy cho bà B, ông N, anh V, chị Tr1 và chị Tr2 là ông Nguyễn Mai H. Quá trình tham gia tố tụng ông H trình bày:*

Gia đình bà Hoàng Thị B, ông Hoàng Văn N, anh Hoàng Văn Đình V, chị Hoàng Thị Thúy Tr1, chị Hoàng Thị Thúy Tr2 thừa nhận: Ngày 25/7/2016, có lập hợp đồng vay tiền với bà Huỳnh Thị Phương T để vay 2.400.000.000 đồng. Hai bên có làm hợp đồng công chứng tại Văn phòng công chứng B, thời hạn vay tiền là 01 năm. Gia đình bà B có làm thủ tục thế chấp 05 lô đất như nguyên đơn đã khai để đảm bảo cho khoản vay đối với bà Huỳnh Thị Phương T và đã đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Số tiền 2.400.000.000 đồng vay ngày 25/7/2016 gia đình bà B đã trả đủ cho bà Huỳnh Thị Phương T và bà T đã làm thủ tục giải chấp tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện K. Như vậy khoản vay này đã được gia đình bà B hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với bà T, còn các giấy tờ về việc trả tiền vay bà T đã hủy bỏ sau khi gia đình bà B trả nợ xong nên gia đình bà B không có để cung cấp cho Tòa án.

**Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2019/DS - ST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk quyết định:**

*Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Áp dụng: Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;*

*Áp dụng: Khoản 1 Điều 147 BLTTDS; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Phương T.

Buộc bà Hoàng Thị B, ông Hoàng Văn N, anh Hoàng Văn Đình V, chị Hoàng Thị Thúy Tr1, chị Hoàng Thị Thúy Tr2 phải trả cho bà Huỳnh Thị Phương T tổng số tiền là 2.383.200.000 đồng (hai tỷ, ba trăm tám mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 2.138.000.000 đồng, tiền lãi là 245.200.000 đồng.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tính lãi số tiền 49.844.000 đồng do không được chấp nhận.

Áp dụng khoản 2 Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự để tính lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

## 2. Về án phí:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương T phải chịu án phí DSST số tiền 2.492.000 đồng, tương ứng với số tiền 49.844.000 đồng không được chấp nhận, khấu trừ vào số tiền 37.380.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/0010039 ngày 30/01/2019. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Phương T số tiền 34.888.000 đồng còn lại.

Bị đơn bà Hoàng Thị B, ông Hoàng Văn N, anh Hoàng Văn Đình V, chị Hoàng Thị Thúy Tr1, chị Hoàng Thị Thúy Tr2 phải chịu 79.664.000 đồng án phí DSST.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án cho các bên đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 24/7/2019, bị đơn bà Hoàng Thị B, ông Hoàng Văn N, anh Hoàng Văn Đình V, chị Hoàng Thị Thúy Tr1, chị Hoàng Thị Thúy Tr2 cùng làm đơn kháng cáo với nội dung: Cho rằng đã trả cho bà Huỳnh Thị Phương T toàn bộ số tiền nợ 2.400.000.000 đồng và bà T đã xóa đăng ký thế chấp toàn bộ tài sản quyền sử dụng đất ngày 14/10/2016. Vì vậy, các bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm lại vụ án theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương T.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đại diện theo ủy quyền cho các bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

**\* Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi cho bà Hoàng Thị B là ông Dương Lê U.A, trình bày:**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, xét thấy khoản nợ mà vợ chồng bà B, ông N cùng các con là chị Tr1, chị Tr2 và anh V vay ngày 25/7/2016 của bà Huỳnh Thị Phương T số tiền 2.400.000.000 đồng đã được thanh toán số tiền 1.500.000.000 đồng chuyển khoản vào ngày 25/7/2017. Việc bà T cho rằng khoản tiền này trả vào khoản tiền vay 3.010,000.000 đồng là không có căn cứ, vì bà B vay của bà T rất nhiều lần. Do đó, gia đình bà B chỉ còn nợ bà T số tiền 638.000.000 đồng, đề nghị Tòa xem xét chỉ chấp nhận bà B chỉ nợ bà T số tiền này.

**\* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:**

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Bị đơn bà Hoàng Thị B, ông Hoàng Văn N, anh Hoàng Văn Đình V, chị Hoàng Thị Thúy Tr1, chị Hoàng Thị Thúy Tr2 cho rằng đã trả cho bà Huỳnh Thị Phương T toàn bộ số tiền nợ 2.400.000.000 đồng. Tuy nhiên bà B, ông N, ông V, chị Tr1 và chị Tr2 không cung cấp được chứng cứ chứng minh về việc đã trả đầy đủ số tiền 2.400.000.000 đồng cho bà T. Tại Tòa án cấp sơ thẩm có ban hành quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, nhưng không đưa vào bản án. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2019/DS - ST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng quy định của pháp luật. Đơn kháng cáo của các bị đơn trong hạn luật định, các bị đơn đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tại Tòa án cấp phúc thẩm bà B, ông N, anh V, chị Tr1 có đơn xin chấm dứt ủy quyền cho ông Nguyễn Mai H, xét việc từ chối của những người này là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Do đó, Hội đồng xét xử nên chấp nhận yêu cầu chấm dứt ủy quyền với ông H của các bị đơn. Tuy nhiên, ngày 02/10/2019 ông Hoàng Văn N, chị Hoàng Thị Thúy Tr1, anh Hoàng Văn Đình V và chị Hoàng Thị Thúy Tr2 có ủy quyền cho ông Dương Lê U.A thay mặt mình tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[2] Về nội dung kháng cáo của bà Hoàng Thị B cho rằng đã thanh toán hết số tiền 2.400.000.000 đồng vay ngày 25/7/2016 cho bà T, được bà T xóa thế chấp.

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm bà B không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc gia đình bà B đã thanh toán hết số tiền vay ngày 25/7/2016 cho bà T. Tuy nhiên, tại “Biên bản đối chất” ngày 02/10/2019 bà B thừa nhận gia đình bà B còn nợ của ông T (chồng bà T) số tiền gốc 638.000.000 đồng. Cụ thể ngày 25/7/2017, bà B đã chuyển khoản cho bà T 1.500.000.000 đồng, nhưng số tiền này bà T cho rằng bà B chuyển trả khoản nợ 3.010.000.000 đồng vay ngày 28/9/2016. Bà B cho rằng gia đình bà vay tiền của bà T làm nhiều lần và còn nợ số tiền vay từ ông T (chồng bà T) tại lần vay khác chứ không phải số tiền vay ngày 25/7/2016. Ý kiến của bà B đưa ra không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Tại phiên họp đối chất ông T (chồng bà T), cho rằng ông T không có tiền cho gia đình bà B vay mà toàn bộ số tiền mà gia đình bà B vay là của bà T (bà T mở công ty riêng) nên không liên quan đến ông. Vào ngày 21/5/2018, bà B có cầm số tiền 262.000.000 đồng đến trả cho bà T, bà T vắng nhà nên ông T đã đưa cho bà B một giấy vay tiền rồi bà B tự điền vào. Sau đó, bà T về ông T đã giao đầy đủ số tiền và giấy tờ mà bà B thanh toán cho bà T, bà T công nhận đúng như lời ông T trình bày. Do đó, không có việc gia đình bà B vay mượn tiền của ông T mà toàn bộ số tiền vay đó là của bà T. Bà B còn thừa nhận “...ngày 21/5/2018, bà T mang giấy tờ lên nhà tôi chốt nợ lại số tiền 2.138.000.000 đồng, việc chốt sổ có vợ chồng tôi ký. Ngày 25/7/2017, Vũ (con tôi) đã chuyển khoản 1.500.000.000 đồng nên tôi chỉ nợ bà T số tiền 638.000.000 đồng”. Tại buổi đối chất ý kiến của bà B đưa ra có nhiều mâu thuẫn như chốt nợ ngày 21/5/2018, nhưng trả nợ ngày 25/7/2017 như vậy trả nợ trước ngày chốt nợ là không có căn cứ.

**\* Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi cho bà Hoàng Thị B là ông Dương Lê U.A, trình bày:**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, xét thấy khoản nợ mà vợ chồng bà B, ông N cùng các con là chị Tr1, chị Tr2 và anh V vay ngày 25/7/2016 của bà Huỳnh Thị Phương T số tiền 2.400.000.000 đồng đã được thanh toán số tiền 1.500.000.000 đồng chuyển khoản vào ngày 25/7/2017. Do đó, gia đình bà B chỉ còn nợ bà T số tiền 638.000.000 đồng, đề nghị Tòa xem xét chỉ chấp nhận bà B chỉ nợ bà T số tiền này.

[2.3] Bà T có cung cấp các chứng cứ của các lần vay từ năm 2016 đến nay số tiền bà B vay bà T nhiều lần, cụ thể:

Ngày 25/7/2016 bà B có vay của bà T số tiền 2.400.000.000 đồng, hai bên có lập hợp đồng vay tiền có thể chấp 05 lô đất của gia đình bà B và có công chứng. Gia đình bà B, gồm có: Bà Hoàng Thị B, ông Hoàng Văn N, anh Hoàng Văn Đình V, chị Hoàng Thị Thúy Tr1, chị Hoàng Thị Thúy Tr2 cùng ký vào hợp đồng. Ngày 14/10/2016, bà B có nhờ bà T đi giải chấp cho bà B để bà B điều chỉnh biến động lại thêm tài sản là nhà xây dựng trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để tăng giá trị.

Như vậy số tiền nợ 2.400.000.000 đồng gia đình bà B mới thanh toán cho bà T được 262.000.000 đồng, còn nợ lại 2.138.000.000 đồng chưa thanh toán là có căn cứ.

Ngoài ra gia đình bà B còn vay: Ngày 28/9/2016 vay 3.010.000.000 đồng; ngày 23/01/2018 vay 310.000.000 đồng; ngày 30/01/2018 bà B vay 235.000.000 đồng; ngày 09/02/2018 vay 248.000.000 đồng (các lần vay này đều có bà B ký tên). Ngày 14/02/2018 vay thêm 2.060.000.000 đồng có bà B và ông N ký giấy vay, chồng tôi là Huỳnh Hữu Thanh đứng tên cho vay; ngày 27/02/2018 vay 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu đồng), có bà B và ông N ký giấy vay. Ngày 05/6/2018 vay 200.000.000 đồng; ngày 26/6/2018 bà B vay 235.000.000 đồng; ngày 19/7/2018 vay 170.000.000 đồng (các lần này chỉ có bà B ký giấy vay). Các khoản nợ này gia đình bà B đã thanh toán hết cho bà T, được bà T thừa nhận.

Các khoản nợ vay ngày 28/9/2016; 23/01/2018; 30/01/2018; 09/02/2018; 14/02/2018; 27/02/2018; 05/6/2018; 26/6/2018 và 19/7/2018, gia đình bà B đã thanh toán cho bà T bằng tiền mặt có, bằng chuyển khoản có. Lý do bà B thanh toán các khoản tiền này là do tiền vay tùy thuộc vào thời gian. Bà T có cung cấp các chứng cứ vay mượn tiền mỗi lần bà B trả khoản nào, bà T đều ghi rõ và trên giấy gốc vay tiền và được gạch xóa hoặc ghi "R". Hội đồng xét xử xét thấy, chứng cứ mà bà T cung cấp gia đình bà B chỉ còn nợ bà T duy nhất số tiền 2.138.000.000 đồng (gốc) là có căn cứ, ngoài ra gia đình bà B không nợ bà T khoản nợ nào nữa. Do đó bà T khởi kiện yêu cầu gia đình bà B phải thanh toán số tiền gốc 2.138.000.000 đồng và lãi phát sinh kể từ ngày 21/5/2018 là có căn cứ cần được chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm tính lãi suất với mức 10%/năm là có phần thiệt hại cho bà T, tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm bà T không kháng cáo nên Hội đồng không đặt ra xem xét. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền lãi suất là 245.200.000 đồng, số tiền này buộc gia đình bà B phải có trách nhiệm thanh toán cho bà T.

[3] Việc bà B cho rằng bà chỉ còn nợ ông T (chồng bà T) số tiền 2.138.000.000 đồng chứ không phải nợ của bà T số tiền này, vì bà đã thanh toán 1.500.000.000 đồng như đã khai ở trên. Qua biên bản lấy lời khai của ông T và tại "Biên bản đối chất"

ngày 02/10/2019, ông T cho rằng số tiền gia đình bà B vay nhiều lần trong nhiều năm là của bà T (vợ ông) chứ ông không liên quan, chỉ có những lúc vợ ông đi vắng nên ông cầm hộ. Từ trước tới nay, ông không giao dịch cho bà B vay tiền, tại Tòa án cấp sơ thẩm ông đã từ chối tham gia tố tụng. Như vậy, từ trước tới nay không có việc bà B vay tiền của ông T, ông T cũng không có tiền để cho bà B vay, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông T vào tham gia tố tụng là có căn cứ.

[4] Việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2019/DSST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Buk bổ sung vào bản án về Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời. Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải bổ sung.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Hoàng Thị B, ông Hoàng Văn N, anh Hoàng Văn Đình V, chị Hoàng Thị Thúy Tr1, chị Hoàng Thị Thúy Tr2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2019/DSST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk.

Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Phương T phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện về số tiền lãi suất là 49.844.000 đồng x 5% = 2.492.200 đồng (được làm tròn 2.492.000 đồng).

Ông Hoàng Văn N, bà Hoàng Thị B, chị Hoàng Thị Thúy Tr1, anh Hoàng Văn Đình V, chị Hoàng Thị Thúy Tr2 phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

- Về án phí phúc thẩm: Do không được chấp nhận đơn kháng cáo nên ông Hoàng Văn N, bà Hoàng Thị B, chị Hoàng Thị Thúy Tr1, anh Hoàng Văn Đình V, chị Hoàng Thị Thúy Tr2 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Hoàng Văn N, bà Hoàng Thị B, chị Hoàng Thị Thúy Tr1, anh Hoàng Văn Đình V, chị Hoàng Thị Thúy Tr2.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 17/2019/DS - ST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk

Áp dụng Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 4 Điều 26; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Phương T.

Buộc bà Hoàng Thị B, ông Hoàng Văn N, anh Hoàng Văn Đình V, chị Hoàng Thị Thúy Tr1, chị Hoàng Thị Thúy Tr2 phải trả cho bà Huỳnh Thị Phương T tổng số

tiền là 2.383.200.000 đồng (hai tỷ, ba trăm, tám mươi ba triệu, hai trăm nghìn đồng). Trong đó tiền gốc là 2.138.000.000 đồng, tiền lãi là 245.200.000 đồng.

Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Phương T về tính lãi số tiền 49.844.000 đồng do không được chấp nhận.

Đối với trường hợp chậm thực hiện nghĩa vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về lãi suất thì quy định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong. Bên thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

## 2. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phương T phải chịu án phí DSST số tiền 2.492.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 37.380.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0010039 ngày 30/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Phương T số tiền còn lại là 34.888.000 đồng.

+ Bị đơn bà Hoàng Thị B, ông Hoàng Văn N, anh Hoàng Văn Đình V, chị Hoàng Thị Thúy Tr1, chị Hoàng Thị Thúy Tr2 phải chịu 79.664.000 đồng án phí có giá ngạch.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn bà Hoàng Thị B, ông Hoàng Văn N, anh Hoàng Văn Đình V, chị Hoàng Thị Thúy Tr1, chị Hoàng Thị Thúy Tr2 (mỗi người) phải chịu án phí 300.000 đồng án phí phúc thẩm được khấu trừ số tiền đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Buk theo biên lai số: AA/2017/0014283 ngày 29/7/2019; AA/2017/0014284 ngày 29/7/2019; AA/2017/0014285 ngày 29/7/2019; AA/2017/0014286 ngày 29/7/2019; AA/2017/0014287 ngày 29/7/2019 (Do bà Hoàng Thị B nộp thay).

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Búk;
- CCTHADS huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Lưu.

(đã ký)

**Lê Thị Tùng**